TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 55/2024/DS-ST Ngày: 03-7-2024 V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Thương và bà Huỳnh Thị Thúy Nga.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, giữa các bên đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Trọng T. Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh tỉnh Bình Thuận – Phòng giao dịch huyện Đức Linh.

Người được ủy quyền lại: Ông Huỳnh Quốc K.

Chức vụ: Phó phòng giao dịch phụ trách kinh doanh - Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh tỉnh Bình Thuận – Phòng giao dịch huyện Đức Linh.

Địa chỉ: Số 54, đường ĐT 766, thôn 4, xã Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. (theo giấy ủy quyền số 167 ngày 29/12/2023)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: đường Phan Bội Châu, khu phố 10, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị Mỹ Nhung, sinh năm 1992; Nơi cư trú: đường Phan Bội Châu, khu phố 10, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/10/2020, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh tỉnh Bình Thuận – Phòng giao dịch huyện Đức Linh đã ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với ông Nguyễn Minh L, với một số thông tin như sau:

Loại thẻ: JCB Jspeedy Cre Classic.

Hạn mức tín dụng: 30.000.000 đồng.

Ngày chốt sao kê: ngày 22 hàng tháng.

Dư nợ tính đến ngày khởi kiện 13/3/2024 là 26.181.430đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Nguyễn Minh L không thanh toán đúng hạn theo như cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ và làm việc trực tiếp với ông Nguyễn Minh L nhưng ông L vẫn không có thiện chí trả nợ.

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín yêu cầu ông Nguyễn Minh L và bà Phạm Thị Mỹ Nhung (vợ ông L) có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tổng dư nợ và các khoản phí, lãi phát sinh đến ngày 03/7/2024 là 29.969.606 đồng và yêu cầu tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Trước đây, ông L có vay tại Ngân hàng TMCP sài Gòn thương tín bằng hợp đồng tín dụng thẻ với số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 19/10/2020. Năm 2023, ông L có chuyển trả cho Ngân hàng số tiền 8.000.000 đồng và Ngân hàng tự chuyển bên tài khoản của riêng ông L vào tài khoản Ngân hàng số tiền gần 5.000.000 đồng. Chứng từ giao dịch ông L sẽ nộp cho Tòa án vào trước ngày 01/6/2024. Mục đích ông L vay tiền sử dụng vào việc cá nhân, không liên quan đến vợ ông L là bà Phạm Thị Mỹ Nhung. Ông L không đồng ý trả số tiền gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng, do ông L đã trả cho Ngân hàng số tiền gần 13.000.000 đồng, vì vậy ông L đề nghị Ngân hàng tính toán lại, ông L chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền 19.000.000đồng; từ năm 2020 đến giữa năm 2023, ông L vẫn trả lãi đầy đủ, nhưng do kinh tế khó khăn nên từ giữa năm 2023 đến nay ông L mới chạm trả cho Ngân hàng. Tại thời điểm ký giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng tín dụng vào ngày 19/10/2020 thì ông L đã được cán bộ Ngân hàng tư vấn giải thích vế Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Sacombank cũng như các quyết định của Ngân hàng có liên quan đến việc ban hành biểu phí dịch vụ thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam, ông L thống nhất với các cam kết vá tự nguyện ký kết giao dịch với Ngân hàng Sacombank.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Mỹ Nhung: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ (thông qua chồng bà Nhung là ông Nguyễn Minh L) thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Phạm Thị Mỹ Nhung, tuy nhiên bà Phạm Thị Mỹ Nhung không cung cấp ý kiến phản đối, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị Mỹ Nhung đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến trình bày của bị đơn.

Tại phiên toà:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu vợ chồng ông L, bà Nhung có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn tổng số tiền dư nợ tính đến ngày 03/7/2024 là 29.969.606 đồng và yêu cầu ông L, bà Nhung tiếp tục chịu lãi từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong nợ vay theo như thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện là hoàn T có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông L và bà Nhung có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 30.000.000đồng, cùng với số tiền lãi hai bên đã thỏa thuận theo hợp đồng đã cam kết, kèm các chi phí phát sinh khác của Ngân hàng.

Về án phí: Buộc ông L và bà Nhung phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

(có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn thanh toán tiền nợ vay và lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 10, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp cần giải quyết theo vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn và Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả các bên đương sự.

[3] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, Đại diện hợp pháp của nguyên đơn nộp 01 đơn xin xét xử vắng mặt và nộp cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 tóm tắt sao kê lập ngày 03/7/2024, 01 bản sao Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (có hiệu lực từ ngày 24/8/2020); ngoài ra, các đương sự không nộp tài liệu, chứng cứ mới nào khác để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa và Tòa án đã thu thập được theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và do các đương sự cung cấp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[4.1] Về tính pháp lý của giao dịch dân sự:

Căn cứ vào bản sao giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 21/10/2020 giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín và ông Nguyễn Minh L thì có cơ sở xác định đây là hợp đồng tín dụng thanh toán qua hình thức cấp thẻ tín dụng (loại thẻ: JCB Jspeedy Cre Classic), lập thành văn bản, có thỏa thuận lãi suất vay và các thỏa thuận khác. Tại thời điểm xác lập giao dịch vay tiền hai bên đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; do đó giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 21/10/2020 đảm bảo các quy định tại Điều 117, 118, 119, 463 của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng, nên được pháp luật dân sự bảo vệ.

Căn cứ Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền là có căn cứ và đúng quy định.

[4.2] Về xác định nghĩa vụ trả nợ vay:

Tại Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau:

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu bị đơn Nguyễn Minh L và người liên quan Phạm Thị Mỹ Nhung có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền tổng dư nợ, phí, lãi phát sinh tính đến ngày 03/7/2024 là 29.969.606 đồng và yêu cầu trả số tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong nợ vay theo như thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết.

Bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ còn lại là 19.000.000 đồng.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Mỹ Nhung: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ (thông qua chồng bà Nhung là ông Nguyễn Minh L) thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Phạm Thị Mỹ Nhung, tuy nhiên bà Phạm Thị Mỹ Nhung không cung cấp ý kiến phản đối, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị Mỹ Nhung đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến trình bày của bị đơn.

Tại mục "Cam kết" trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 21/10/2020 có thể hiện nội dung "*….Bằng việc ký vào Giấy đề nghị này, Tôi/chúng tôi xác nhận rằng Tôi/Chúng tôi đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Sacombank.* ***Điều khoản và Điều kiện cùng với Giấy đề nghị này tạo thành Hợp đồng*** *phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng giữa Tôi/Chúng tôi và Sacombank. Tôi/Chúng tôi* ***chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ*** *và trách nhiệm phát sinh từ hoặc liên quan đến việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà Tôi/Chúng tôi đã được cấp…..*"

Tại "*Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (có hiệu lực từ ngày 24/8/2020)"* do Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín phát hành và đã được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của Sacombank (https://www.sacombank.com.vn/ho-tro) có các quy định về các loại phí (mục 25), cách xác định lãi (kể cả lãi quá hạn) và trách nhiệm do vi phạm (mục 23 và 24), ngoài ra tại mục 17 của Điều khoản và điều kiện còn có quy định về "Vượt hạn mức", kể cả phí do vượt hạn mức.

Ông Nguyễn Minh L tự nguyện ký kết vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 21/10/2020 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín để được cấp tín dụng với số tiền 30.000.000đồng, nên ông L đã biết các Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Tuy nhiên, sau khi rút số tiền được cấp tín dụng là 27.100.000đồng trong tổng số tiền được cấp tín dụng (vào ngày 22/11/2020) thì sau đó ông L đã nhiều lần thực hiện các giao dịch thanh toán phí trễ hạn, lãi, phí khác cho Ngân hàng, đồng thời ông L lại tiếp tục thực hiện giao dịch rút tiền trong thẻ được cấp tín dụng (theo tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp), từ ngày 22/10/2023 đến 22/01/2024 (3 kỳ liên tiếp) ông L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận, như vậy ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã được thỏa

thuận trong hợp đồng và tại mục 24.4 của *Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (có hiệu lực từ ngày 24/8/2020)*, tổng số tiền dư nợ của ông L tính đến ngày 22/01/2024 là 24.456.457đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền dư nợ tính đến ngày 22/01/2024 là 24.456.457đồng và các khoản lãi phát sinh đến ngày 03/7/2024 với số tiền 5.513.149đồng là có căn cứ, phù hợp với các điều khoản đã được giao kết, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Về xác định người có nghĩa vụ thanh toán: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận khoản tiền mà bị đơn vay của Ngân hàng là sử dụng vào mục đích cá nhân, không liên quan đến bà Phạm Thị Mỹ Nhung (vợ bị đơn); tuy nhiên, bị đơn không chứng minh là vay tiền Ngân hàng để sử dụng vào mục đích cá nhân gì, bị đơn không chứng minh được đây là nghĩa vụ riêng của bị đơn trong thời kỳ hôn nhân với bà Nhung, bên cạnh đó trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 21/10/2020 cũng chính bị đơn ghi thông tin vợ của bị đơn là bà Phạm Thị Mỹ Nhung, để được cấp tín dụng. Như vậy, có thể khẳng định mục đích vay tiền của bị đơn là nhằm để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Tại khoản 1 Điều 30 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về Quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình như sau:

"1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình."

Tại khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng như sau:

"Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;"

Tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về Trách nhiệm liên đới của vợ, chồng như sau:

"1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này."

Từ các quy định của pháp luật đã được viện dẫn nêu trên cho thấy: nguyên đơn yêu cầu ông L và bà Nhung liên đới thanh toán số tiền tổng dư nợ đã được nhận định tại mục [4.2] của bản án này là hoàn T có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.4] Về lãi suất:

Tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có quy định "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng*

trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật" và tại Mục I của Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính, hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản, theo đó lãi suất theo hợp đồng tín dụng không bị giới hạn bởi mức trần lãi suất cơ bản mà phụ thuộc vào thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn phải trả lãi suất quá hạn trên T bộ dư nợ (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, các loại phí tính đến ngày 22/01/2024 là 24.456.457đồng), với số tiền lãi tính đến ngày 03/7/2027 là 5.513.149đồng và yêu cầu vợ chồng bị đơn tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 04/7/2024 đến khi trả xong T bộ các khoản nợ là phù hợp với các thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 21/10/2020, mục 1.9, mục 1.24 và mục 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín *(có điều khoản về áp dụng lãi suất quá hạn đối với T bộ dư nợ theo quy định của Sacombank),* đồng thời phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Mục I của Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính và Án lệ 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 689/QĐ-CA, ngày 17/10/2016 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa (thể hiện qua bài phát biểu số 107/PB-VKS-DS, ngày 03/7/2024) phù hợp với những nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; Điều 95; Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 147; Điều 161, Điều 262; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; các Điều 91, 94, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Án lệ 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 (được công bố theo quyết định số 689/QĐ-CA, ngày 17/10/2016 của Chánh án Toà án nhân dân Tối cao); Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày

11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Mục I của Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín.

Buộc ông Nguyễn Minh L và bà Phạm Thị Mỹ Nhung có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín tổng số tiền dư nợ tính đến 22/01/2024 là 24.456.457đồng (bằng chữ: Hai mươi bốn triệu, bốn trăm năm nươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi bảy đồng) và số tiền lãi tính đến ngày 03/7/2027 là 5.513.149đồng. Tổng cộng là: 29.969.606đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 21/10/2020 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín và ông Nguyễn Minh L.

2. Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Minh L và bà Phạm Thị Mỹ Nhung phải nộp số tiền 1.498.000 (bằng chữ: Một triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín số tiền 654.000 (bằng chữ: Sáu trăm năm mươi bốn nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh theo các biên lai thu tiền số: 0004326 ngày 25 tháng 3 năm 2024.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận